

Bản án số: 57/2022/DS-ST
Ngày: 16-12-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Ngọc Nhuận
- Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Giá – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị D, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Đặng Thị D trình bày tóm tắt như sau:

Vào ngày 12/12/2020 (âm lịch), bà có cho bà Đặng Thị Tuyết M mượn số tiền 132.000.000đ, thời hạn trả là 01 tuần, không có thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận, bà đã gặp bà M để yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng bà M vẫn không thực hiện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M phải trả lại số tiền đã mượn là 132.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn là bà Đặng Thị Tuyết M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện Tòa án đã thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà D. Tuy nhiên trong suốt quá trình tố tụng, bà M không tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà M cũng không có bất kỳ văn bản nào gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do bị đơn là bà Đặng Thị Tuyết M vắng mặt, nên Tòa án chỉ thực hiện việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tổ chức hòa giải. Sau đó, nguyên đơn Đặng Thị D có đơn đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là bà Đặng Thị Tuyết M đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ vay tiền giữa các bên, thấy rằng: Về chứng cứ là bản gốc biên nhận do bà D cung cấp thể hiện nội dung: *“Tôi tên Đặng Thị Tuyết M có mượn của D tổng cộng 132.000.000đ viết bằng chữ Một trăm ba mươi hai triệu. Hạn 01 tuần 19/12/2020 trả 32.000.000 Ba mươi hai triệu”*, biên nhận có chữ ký người làm biên nhận mang tên M và ghi đầy đủ họ tên là Đặng Thị Tuyết M. Bà M không có ý kiến phản đối nào đối với chứng cứ bà D cung cấp cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Vì vậy, trên cơ sở chứng cứ do bà D cung cấp và ý kiến trình bày của bà D, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định vào ngày 12/12/2020 âm lịch, bà M có xác lập một hợp đồng vay tiền của bà D, số tiền vay là 132.000.000đ. Nội dung biên nhận vay tiền thể hiện thời gian bắt đầu trả tiền vay là 01 tuần, không thể hiện lãi suất cho vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Đến hạn trả nợ, bên vay là bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên bên cho vay là bà D khởi kiện yêu cầu bà M phải khoản tiền gốc đã vay là 132.000.000đ, không tính lãi là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và đã có lợi cho bà M, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bà M trả cho bà D số tiền đã vay là 132.000.000đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là bà Đặng Thị Tuyết M phải chịu án phí là 6.600.000đ. Nguyên đơn Đặng Thị D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D.

Buộc bà Đặng Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị D khoản tiền gốc đã vay theo biên nhận nợ ngày 12/12/2020 âm lịch là 132.000.000đ.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị Tuyết M phải nộp 6.600.000đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho bà Đặng Thị D khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000đ theo biên lai thu số 0004393 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn Đặng Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Đặng Thị Tuyết M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Văn Khánh